

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HOÀ BÌNH**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-01-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN- TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Hồng.

Hội Thẩm Nhân Dân:

1. ông Bùi Văn Ôn

2. ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Văn Hường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn - tỉnh Hoà Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Công Dương- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 230/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/12/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 48/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2020 giữa:

- Nguyên đơn: chị Bùi Thị M, sinh năm 1995. Nơi cư trú và làm việc: xóm Rẫy, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng Mặt;

- Bị đơn: anh Bùi Minh M, sinh năm 1992. Nơi cư trú và làm việc: xóm Rẫy, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn và các lời khai của mình, nguyên đơn chị Bùi Thị M trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Minh M kết hôn với nhau tháng 01/2015 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Phú Lương (nay là xã Quyết Thắng), huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Sống với nhau đến năm 2017 thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh M không chịu khó làm ăn, ham chơi cờ bạc, lơ đãng. Chị M đã cố gắng

khuyến bảo và tạo cơ hội cho anh M nhiều lần nhưng anh M không thay đổi. Hiện vợ chồng chị đã sống ly thân, không còn tình cảm và hi vọng tương lai nữa nên chị M xin ly hôn với anh M để yên tâm ổn định cuộc sống và nuôi dạy con cái.

2. Về con chung: Chị M và anh M có 01 con chung là Bùi Thị Thanh Nhân, sinh ngày 11/12/2015. Hiện cháu Nhân còn nhỏ và đang sống cùng ông bà nội tại xóm Rẫy, xã Quyết Thắng. Do hiện tại anh M đi làm ăn xa nên khi ly hôn chị M xin trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nhân cho đến khi cháu Nhân đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị M chưa yêu cầu anh M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

3. Về tài sản chung; Công nợ chung: chị M khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị M không có yêu cầu gì thêm.

Anh M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai chi tiết thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh M thừa nhận quan hệ hôn nhân như lời trình bày của chị M nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị M nên anh không đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Vì không nhất trí ly hôn nên anh M không đưa ra ý kiến đối với yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi vợ chồng ly hôn của chị M. Anh M chỉ trình bày quan điểm mong vợ chồng quay lại đoàn tụ để con cái không bị bạn bè trêu chọc.

3. Về tài sản chung; Công nợ chung: Anh M thừa nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

Phát biểu quan điểm tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình công nhận việc chấp hành đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án. Về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị như sau:

Về tố tụng: Anh M được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng không chấp hành, phiên tòa đã phải hoãn một lần. Tuy nhiên, anh M đã có lời khai chi tiết thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Chị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh M, chị M là có cơ sở theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa chị M và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M với anh M là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

Về con chung: Xét yêu cầu của chị M là phù hợp các Điều 58; 81; 82; 83 Luật HN&GD năm 2014 nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản chung; công nợ chung: chị M, anh M khai nhận không có nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy, đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

Ngoài ra không ai có ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn và bị đơn Bùi Minh M có nơi cư trú tại xóm Ráy, xã Quyết Thắng, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình nên theo qui định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Về việc vắng mặt của chị Bùi Thị M và anh Bùi Minh M: Anh M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; Chị M vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh M, chị M theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa chị M và Anh M là hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng thực sự có mâu thuẫn do bất đồng về phong cách sống, không tìm được tiếng nói chung và không có hi vọng tương lai. Hiện hai người đã sống ly thân. Anh M không đến Tòa thể hiện không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng, từ bỏ quyền trình bày nguyện vọng của anh trước việc chị M xin ly hôn với anh.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M với anh M là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

[3]. Về con chung: Chị M và anh M có 01 con chung là Bùi Thị Thanh Nhân, sinh ngày 11/12/2015. Hiện cháu Nhân còn nhỏ và đang sống cùng ông bà nội tại xóm Ráy, xã Quyết Thắng. Qua xác minh, chị M và anh M có điều kiện nuôi con như nhau nhưng do hiện tại anh M đi làm ăn xa, không có mặt ở nhà nên khi ly hôn chị M xin trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nhân cho đến khi cháu Nhân đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị M chưa yêu cầu anh M có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Xét quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, điều kiện thực tế và nguyện vọng của đương sự thấy hiện tại cháu Bùi Thị Thanh Nhân là con chung của chị M và anh M còn nhỏ rất cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp từ bố mẹ. Anh M lại

đi làm ăn xa nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M là phù hợp các Điều 58; 81; 82; 83 Luật HN&GD năm 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị M chưa yêu cầu anh M phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì hiện chị M có đầy đủ điều kiện nuôi con. Căn cứ các Điều 82; 83 Luật HN&GD năm 2014 HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị M là phù hợp.

[4]. Về tài sản; công nợ chung: chị M, anh M khai nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

[5]. Về án phí: Chị M phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51; khoản 1 Điều 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị M đối với anh Bùi Minh M về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị M được ly hôn anh Bùi Minh M.

2. *Về con chung:* Giao con chung là Bùi Thị Thanh Nhân, sinh ngày 11/12/2015 cho chị M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ tháng 01/2021 trở đi cho đến khi cháu Nhân đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Chị M chưa yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn pháp luật vẫn bảo hộ các quyền của cha mẹ với con chưa thành niên (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở; quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con).

3. *Về tài sản chung; Công nợ chung:* Không có và không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị M phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ dự phí chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003672 ngày 02/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay chị M không phải nộp án phí nữa.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc trích lục án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai theo qui định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc sơn;
- UBND xã Quyết Thắng, h. Lạc Sơn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng

